UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ THẠCH LẠC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 612 /QĐ-UBND	*Thạch Lạc, ngày 11 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình Hạ tầng khu dân cư Đồng Đen, Đồng Trường, xã Thạch Lạc, năm 2026

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 22/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng số; 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021; số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

về việc Ban hành Quy định phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Nghị Quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Thạch Lạc về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026, xã Thạch Lạc;

Căn cứ các Quyết định của UBND xã Thạch Lạc: Số 1342/QĐ-UBND ngày 20/12/2025 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án trên địa bàn xã Thạch Lạc năm 2026; số 26/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí khảo sát, lập báo cáo Kinh tế - kỹ thuật công trình Hạ tầng khu dân cư Đồng Đen, Đồng Trường, xã Thạch Lạc, năm 2026; số 81/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu chuẩn bị đầu tư công trình Hạ tầng khu dân cư Đồng Đen, Đồng Trường, xã Thạch Lạc, năm 2026; số 174/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế- kỹ thuật chuẩn bị đầu tư công trình Hạ tầng khu dân cư Đồng Đen, Đồng Trường, xã Thạch Lạc, năm 2026;

Căn cứ văn bản thẩm tra số 14/BC-TT ngày 11/06/2026 của công ty TNHH Minh Anh về việc thẩm tra báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng khu dân cư Đồng Đen, Đồng Trường, xã Thạch Lạc, năm 2026;

Theo đề nghị của trưởng phòng Kinh tế tại báo cáo số 39/BC-KT ngày 11/6/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng khu dân cư Đồng Đen, Đồng Trường, xã Thạch Lạc, năm 2026, (Trên cơ sở đề nghị của Tổ tham mưu thực hiện dự án tại tờ trình số 38/TTr-TH ngày 22/5/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Hạ tầng khu dân cư Đồng Đen, Đồng Trường, xã Thạch Lạc, năm 2026.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Thạch Lạc, tỉnh Hà Tĩnh

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạch Lạc.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Thạch Lạc.

5. Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng C.I.C.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, Loại công trình; Công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

7. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng công trình với mục tiêu hoàn thiện khu quy hoạch đất ở nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở cho nhân dân trong xã, tạo ra khu ở hoàn chỉnh, phát triển đồng bộ về mặt hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho khu quy hoạch, góp phần hoàn thiện các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tăng thu ngân sách cho địa Phương, phát triển kinh tế - xã hội.

8. Quy mô đầu tư:

8.1 Hướng tuyến, chiều dài và hiện trạng tuyến:

+ Tuyến chính 1 có chiều dài 338,36m. Điểm đầu và điểm cuối tuyến tại các

điểm quy hoạch được duyệt. Địa hình hai bên tuyến là đồng ruộng thuộc vùng quy hoạch khu dân cư.

+ Tuyến nhánh 1 có chiều dài 54,02m. Điểm đầu tuyến giao tuyến chính 1 tại Km0, điểm cuối giao tuyến chính 2 tại Km0. Địa hình hai bên tuyến là đồng ruộng thuộc vùng quy hoạch khu dân cư.

+ Tuyến nhánh 2 có chiều dài 54,01m. Điểm đầu tuyến giao tuyến chính 1 tại Km0+121, điểm cuối giao tuyến chính 2 tại cọc Km0+121. Địa hình hai bên tuyến là đồng ruộng thuộc vùng quy hoạch khu dân cư.

+ Tuyến nhánh 3 có chiều dài 53,99m. Điểm đầu tuyến giao tuyến chính 1 tại Km0+251.99, điểm cuối giao tuyến chính 2 tại cọc Km0+252.01. Địa hình hai bên tuyến là đồng ruộng thuộc vùng quy hoạch khu dân cư.

+ Tuyến nhánh 4 có chiều dài 84,89m. Điểm đầu tuyến giao tuyến chính 1 tại Km0+338.36, điểm cuối giao tuyến chính 2 tại cọc Km0+402.18. Địa hình hai bên tuyến là đồng ruộng thuộc vùng quy hoạch khu dân cư.

+ Tuyến chính 2 có chiều dài 402,18m. Phần nền, mặt đường đã được đầu tư xây dựng nên trong giai đoạn này chỉ bổ sung làm mới hệ thống thoát nước mặt đường hai bên tuyến).

8.2 Bình diện tuyến: Tim tuyến theo hướng tuyến khảo sát đảm bảo các yếu tố kỹ thuật và cấp hạng công trình, phương án chung là tận dụng tối đa đường cũ và các công trình hiện có trên tuyến, phù hợp với quy quy hoạch đã duyệt, quá trình khai thác đảm bảo lưu thông được êm thuận nhất.

8.3 Trắc dọc tuyến: Thiết kế đường đỏ trắc dọc đảm bảo kỹ, mỹ thuật công trình, đồng thời giảm thiểu khối lượng thi công.

8.4 Trắc ngang tuyến:

Mặt cắt ngang thiết kế trong giai đoạn này như sau:

+ Tuyến chính 1: - Chiều rộng nền đường: $B_{nền}$ = 9,24m;
- Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt}$ = 6,0m;
- Chiều rộng lề: $B_{lề\ trái}$=2,24m, $B_{lề\ phải}$=1,0m.

+ Tuyến nhánh 1: - Chiều rộng nền đường: $B_{nền}$ = 9,24m;
- Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt}$ = 6,0m;
- Chiều rộng lề: $B_{lề\ trái}$=1,0m, $B_{lề\ phải}$=2,24m.

+ Tuyến nhánh 2: - Chiều rộng nền đường: $B_{nền}$ = 10,34m;
- Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt}$ = 6,0m;
- Chiều rộng lề: $B_{lề\ trái}$=1,0m, $B_{lề\ phải}$=3,34m.

+ Tuyến nhánh 3: - Chiều rộng nền đường: $B_{nền}$ = 9,34m;
- Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt}$ = 6,0m;
- Chiều rộng lề: $B_{lề\ trái}$=1,0m, $B_{lề\ phải}$=2,34m.

+ Tuyến nhánh 4: - Chiều rộng nền đường: $B_{nền}$ = 6,0m;
- Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt}$ = 4,0m;
- Chiều rộng lề: $B_{lề\ trái}$=1,0m, $B_{lề\ phải}$=1,0m.

8.5 Nền đường:

- Nền đường được đắp bằng đất cấp phối đồi có hệ số đầm nén $K \geq 0,95$, CBR ≥ 4 đối với toàn bộ chiều cao nền đất đắp; Mái dốc ta luy nền đường đắp được thiết kế

là 1 : 1.5.

- Vật liệu đất cấp phối đắp nền đường lấy tại mỏ đất theo kết quả điều tra, khảo sát và đã tiến hành làm các chỉ tiêu cơ lý. Ngoài ra còn tận dụng đất đào để đắp nền, đất đào dùng để đắp thoả mãn về chỉ tiêu cơ lý kỹ thuật của đất đắp với yêu cầu đầm chặt K95.

8.6 Kết cấu mặt đường: Kết cấu mặt đường làm mới các tuyến làm mới: Lớp mặt đường BTXM M250, đá 1x2, dày 20cm; lớp lót bạt xác rắn ngăn cách; lớp móng cấp phối đá dăm loại 2 (dmax=37,5mm) dày 15cm;

8.7 Nút giao trên tuyến: Các vị trí nút giao trên tuyến được thiết kế vuốt nối hài hòa, êm thuận với bán kính vuốt nối theo quy hoạch (R_{vn}>=7,50m).

8.8 Hệ thống thoát nước dọc:

- Tuyến chính 1: Phía trái tuyến thiết kế rãnh dọc B=0,50m (chiều dài 311,87m);
- Tuyến nhánh 1: Phía phải tuyến thiết kế rãnh dọc B=0,50m (chiều dài 37,18m);
- Tuyến nhánh 2: Phía phải tuyến thiết kế rãnh dọc B=0,60m (chiều dài 36,91m);
- Tuyến nhánh 3: Phía phải tuyến thiết kế rãnh dọc B=0,60m (chiều dài 38,15m);
- Tuyến chính 2: Hai bên tuyến thiết kế rãnh dọc B=0,50m (chiều dài 758,08m);

Rãnh dọc B=0,50m và rãnh dọc B=0,60m có mặt cắt ngang hình chữ nhật, có nắp đậy. Kết cấu thân rãnh, đáy rãnh bằng BTCT mác 250, đá 1x2 (đổ tại chỗ) trên lớp bạt xác rắn lót; tấm nắp đậy rãnh bằng BTCT mác 250, đá 1x2 (đổ lắp ghép);

Hố thu nước rãnh dọc có kết cấu thân và đáy hố thu bằng BTCT mác 250, đá 1x2 (đổ tại chỗ) trên lớp đá dăm đệm móng dày 10cm, tấm đan đậy hố thu bằng BTCT M250, đá 1x2 (đổ lắp ghép).

8.9 Hệ thống thoát nước ngang:

- Tuyến chính 1: thiết kế 03 cống bản Lo=0,75m tại các vị trí Km0+6.30, Km0+126.42, Km0+258.29.
- Tuyến nhánh 2: thiết kế 02 cống bản Lo=0,60m tại các vị trí Km0+7.69, Km0+46.20;
- Tuyến nhánh 3: thiết kế 02 cống bản Lo=0,60m tại các vị trí Km0+6.55, Km0+45.66;
- Tuyến chính 2: Giữ nguyên và nối thêm 02 cống bản cũ (cống bản Lo=0,60m) tại các vị trí Km0+126.33 và Km0+256.68;

Cống bản Lo=0,75m và cống bản Lo=0,60m có kết cấu móng, thân cống, tường cánh cống, sân cống bằng bê tông mác 200, đá 2x4 (đổ tại chỗ), lớp đá dăm đệm lót móng dày 10cm; tấm bản cống bằng BTCT mác 300, đá 1x2 (đổ lắp ghép); khối đá dăm giảm tải hai bên cống dày 30cm.

8.10 Mương thoát nước thải sinh hoạt: Xây dựng mới tuyến mương thoát nước thải bằng bê tông cốt thép có tổng chiều dài 335,80m (đoạn 1 dài 109,25m, đoạn 2 dài 119,16m, đoan 3 dài 107,39m). Mương có mặt cắt ngang hình chử nhật B=50cm. Kết cấu thân mương, đáy mương bằng BTCT mác 200, đá 1x2 (đổ tại chổ) đặt trên lớp bạt xác rắn lót móng. Theo chiều dài kênh, cứ 2,5m bố trí 1 thanh giằng bằng BTCT mác 200 đá 1x2 (đổ lắp ghép); cứ 10m bố trí 1 khớp nối bằng giấy dầu tẩm nhựa đường.

8.11 Đường điện 0,4Kv

- Xây dựng mới 01 lộ đường dây hạ áp 0,4kV với tổng chiều dài tuyến 563m cáp vặn xoắn 4x95mm2. Với 16 vị trí cột bê tông li tâm cao 8.5m trong đó có 4 vị trí tận dụng cột hiện có và 12 vị trí cột trồng mới.

- Cấp điện áp: 0,4kV.

- Kiểu đường dây không 3 pha 4 dây.

- Dây dẫn sử dụng: cáp voặn xoắn nhôm bọc cách điện XLPE ký hiệu LV/ABC (LV-XLPE) .

- Cột điện sử dụng cột bê tông li tâm loại 8,5m: Loại cột NPC.1-8,5-190-4.3 cho vị trí đỡ và Cột điện ly tâm PC.1-8,5-190-12.0 cho vị trí néo góc, đầu tuyến cuối tuyến.

- Móng cột: sử dụng loại bê tông không cốt thép mác M150 đúc tại chỗ.

- Tiếp địa lặp lại: Dùng loại cọc tia hỗn hợp, trị số tiếp địa đảm bảo theo quy phạm.

+ Rđ ≤ 30Ω với các khu vực trống trải không nhà cửa.

+ Rđ ≤ 50Ω với các khu vực có nhiều nhà cao tầng và cây cối che chắn.

- Các loại cổ dề: CD190-T1 Được chế tạo bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN (18TCN-04-92), chiều dài lớp mạ yêu cầu >= 80µm.

Các phụ kiện móc treo, kẹp treo, kẹp hãm và ghíp nối dây dẫn được cấp kèm theo TCVN. Phần thép được chế tạo bằng thép mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn Việt Nam.

8.12 Đường cấp nước

- Xây dựng mới hệ thống đường ống cấp nước với tổng chiều dài L=1.627m. Trong đó đường ống HDPE PE100 PN10 D90 có chiều dài L=115m ; ống HDPE PE100 PN10 D63 có chiều dài L=1.056m ; ống HDPE PE100 PN10 D50 có chiều dài L=456m ;

- Mặt cắt chôn ống D50 - D90 đi dưới vỉa hè có có mặt cắt hình chữ nhật chiều rộng 0,3m-0,4m, chiều sâu là 0,5m-0,6m; các đoạn ống đi qua đường dùng ống thép lồng bảo vệ có chiều sâu là 0,65m-0,77m.

Chụp van chặn: Lắp đặt 09 van chặn trên các tuyến ống (gồm 01 chụp van D90, 04 chụp van chặn D63 và 04 chụp van D50). Chụp van bằng ống u.PVC D200, phía trên lắp đặt hộp van bề mặt bằng gang.

8.13 Các hạng mục khác: Theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định

(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Phòng kinh tế thẩm định).

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

a) Số bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Tiêu chuẩn khảo sát: TCXD 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình; TCCS31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô, tiêu chuẩn khảo sát; Tiêu chuẩn Quốc gia TCXDVN9401-2012: Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình; QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ; QCVN 11:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao; TCVN 9437:2012: Tiêu chuẩn khoan thăm dò địa chất công trình; TCCS41:2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu; Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác;

- Tiêu chuẩn thiết kế: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD; Đường đô thị-yêu cầu thiết kế TCVN 13952-2022; Đường ô tô-yêu cầu thiết kế TCVN 4054-05; Tiêu chuẩn thiết kế đường giao thông nông thôn: TCVN 10380:2014; Tiêu chuẩn thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông TCCS 39:2022/TCĐBVN; Tiêu chuẩn thiết kế nền và móng TCVN 9362:2012; Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế TCXDVN 7957:2023; Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574:2018; TCVN 13606:2023 Tiêu chuẩn quốc gia về cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế; Các Quy phạm trang bị điện: Quy định chung 11TCN-18-2006; Hệ thống đường dây dẫn điện 11TCN-19-2006; Thiết bị phân phối và trạm biến áp 11TCN-20-2006; Bảo vệ và tự động 11TCN-20-2006; Tiêu chuẩn kỹ thuật chống sét van 22, 35 và 110 kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam TCCS 13:2021/EVN; Tiêu chuẩn kỹ thuật cách điện đường dây điện áp 22, 35 và 110 kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam TCCS 15:2021/EVN; Tiêu chuẩn kỹ thuật cáp ngầm trung áp và phụ kiện áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam TCCS 17:2021/EVN; các Quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan khác.

10. Tổn mức đầu tư xây dựng công trình: 16.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười sáu tỷ đồng chẵn).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	7.126.344.000	đồng;
- Chi phí GPMB:	7.384.477.000	đồng;
- Chi phí QLDA:	195.926.000	đồng;
- Chi phí TVĐTXD:	561.941.000	đồng;
- Chi phí khác:	91.464.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	639.848.000	đồng.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

12. Nguồn vốn đầu tư:Ngân sách xã và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

13.Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Tổ thực hiện dự án (Chủ đầu tư):

- Chịu trách nhiệm đóng dấu phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ – CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.

- Triển khai việc lập dự án theo đúng quy định của pháp luật, tiếp thu thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị của phòng Kinh tế tại báo cáo thẩm định; hoàn thanh dự án đảm bảo tiến độ, hiệu quả, thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toántheo đúng quy định, tuyệt đối không để xảy ra thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, chủ tịch UBND xã và cơ quan thanh tra, kiểm tra về các nội dung thực hiện theo thẩm quyền, quy định của pháp luật.

2. Phòng Kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho chủ đầu tư thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Chánh văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Tổ trưởng tổ tham mưu, thực hiện dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu. VT, KT.

CHỦ TỊCH

Trần Xuân Hoàng